

Số: **13** /2018/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày **08** tháng **10** năm 2018

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 9/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN SỐ:	49352
Ngày:	16-10-2018
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 9 tháng 2 năm 2018 về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 9 tháng 2 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam, gồm:

1. Sửa đổi tên tổ chức đề nghị đăng ký; tên thương phẩm, dạng và hàm lượng thuốc (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này), bao gồm:

- a) Sửa đổi tên tổ chức đề nghị đăng ký: 63 hoạt chất, 71 tên thương phẩm;
- b) Sửa đổi tên thương phẩm, dạng và hàm lượng: 9 hoạt chất, 12 tên thương phẩm.

2. Các thuốc bảo vệ thực vật đăng ký chính thức vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này), bao gồm:

- a) Thuốc trừ sâu: 06 hoạt chất, 08 tên thương phẩm;

Luc 6801
16/10/18

b) Thuốc trừ bệnh: 07 hoạt chất, 07 tên thương phẩm;

c) Thuốc bảo quản nông sản: 01 hoạt chất, 01 tên thương phẩm.

3. Các thuốc bảo vệ thực vật đăng ký bổ sung vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này), bao gồm:

a) Thuốc trừ sâu: 121 hoạt chất, 151 tên thương phẩm;

b) Thuốc trừ bệnh: 70 hoạt chất, 87 tên thương phẩm;

c) Thuốc trừ cỏ: 13 hoạt chất, 18 tên thương phẩm;

d) Thuốc điều hòa sinh trưởng: 03 hoạt chất, 06 tên thương phẩm;

đ) Thuốc trừ chuột: 01 hoạt chất, 01 tên thương phẩm;

e) Thuốc bảo quản nông sản: 01 hoạt chất, 01 tên thương phẩm.

4. Bảng mã số HS thuốc bảo vệ thực vật được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 về bảng mã số HS đối với hàng hóa chuyên ngành xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2018.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ liên quan;
- Tổng Cục Hải quan;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ liên quan;
- Lưu: VT, BVTV (.....bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Quốc Doanh

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục I

SỬA ĐỔI TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ, TÊN THƯƠNG PHẨM, DẠNG VÀ HẠM LƯỢNG THUỐC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13 /2018/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 10 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)*

1. Sửa đổi tên tổ chức đề nghị đăng ký

TT	Tên hoạt chất – Nguyên liệu	Tên thương phẩm	Đã quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 9/2/2018	Sửa đổi lại
1.	Abamectin	NP Pheta 2.0EC, 2.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC, 6.0EC, 6.6EC	Công ty CP Điện Thành	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Agbanex 3.6EC, 5EC, 6.5EC	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	Công ty CP Global Farm
2.	Abamectin 18g/l (36g/l) + Alpha-cypermethrin 100g/l (100g/l)	B thai 118EC, 136EC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
3.	Acetamiprid	Tosi 30WG Cayman 25WP	Công ty TNHH BMC Công ty TNHH – TM Nông Phát	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
4.	Alpha-cypermethrin	Bestox 5EC	FMC Agricultural Products International AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
5.	Amino acid	Amino 15SL	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành	Công ty CP Đông Nam Đức Thành
6.	Atrazine	Many 800WP	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
7.	Bacillus thuringiensis var.kurstaki	MVP 10 FS	Cali – Parimex. Inc.	Công ty CP Quốc tế Agriotech Hoa Kỳ
		Cymax ® 35 WP	Cali – Parimex. Inc.	Công ty CP Cali Agriotech USA
8.	Beauveria bassiana 1x10 ⁹ bào tử/ g + Metarhizium anisopliae 0.5 x 10 ⁹ bào tử/g	Trắng xanh WP	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành	Công ty CP Đông Nam Đức Thành

9.	Bensulfuron Methyl 0.16g/kg + Butachlor 3.04g/kg	One-tri 3.2GR	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
10.	Bensulfuron methyl 0.25g/kg (40g/kg) + Pretilachlor 1.75g/kg (360g/kg)	Droper 2GR, 400WP	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
11.	Bifenthrin	Talstar 10 EC	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
12.	Bismethiazol 290g/kg (475g/l) + Kasugamycin 10g/kg (25g/l)	Nanowall 300WP, 500SC	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông	Công ty TNHH UPL Việt Nam
13.	Bispyribac-sodium	Faxai 10 SC	Công ty CP Nông nghiệp Asean Gold	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
14.	Bromadiolone	Lanirat 0.005 GR	Novartis Animal Health Inc.	Elanco Animal Health
15.	Buprofezin	Oneplaw 10WP	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
16.	Butachlor	Butan 60 EC	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời	Công ty CP Lion Agrevo
17.	Carbosulfan	Marshall 5GR, 200SC	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
18.	Chlorantraniliprole	DuPont™ Prevathon® 0.4GR, 5SC, 35WG	DuPont Vietnam Ltd	Công ty TNHH FMC Việt Nam
19.	Chlorfenapyr	Ohayo 100SC	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
20.	Chlorfluazuron 70g/l + Indoxacarb 150g/l	NPellaugold 220SC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
21.	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l	Wusso 550EC	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
22.	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (450g/l), (450g/kg) + Imidacloprid 50g/l (150g/l), (150g/kg)	Pro-per 250 EC, 600EC, 600WP	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
23.	Cuprous Oxide	Onrush 86.2WG	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
24.	Cyantraniliprole	Dupont™ Benevia® 100 OD	DuPont Vietnam Ltd	Công ty TNHH FMC Việt Nam
25.	Cyhalofop-butyrl 300g/l + Ethoxysulfuron 30g/l	Bushusa 330EC	Công ty CP Nông nghiệp Asean Gold	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
26.	Cymoxanil 8% + Mancozeb 64%	Niko 72WP	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
27.	Cypermethrin	Arrivo 25EC	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Cyperan 5 EC, 10 EC, 25 EC	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời	Công ty CP Lion Agrevo

28.	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5 %	Serthai 28.75EC	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
29.	Cytokinin (Zeatin)	Agriapon 0.56 SL	Cali - Parimex. Inc.	Công ty CP Quốc tế Agriotech Hoa Kỳ
30.	Diafenthiuron	Sincocin 0.56 SL	Cali - Parimex. Inc.	Công ty CP Cali Agriotech USA
31.	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 50g/l + Tebuconazole 150g/l	Kyodo 25SC, 50WP Gone super 350EC	Công ty TNHH BMC Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
32.	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90 % + Avermectin B1b 10%)	Kajio 1GR, 5EC, 5WG	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
33.	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
34.	Flutriafol	Impact 12.5 SC	FMC Agricultural Products International AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
35.	Gamma-cyhalothrin	Vantex 15CS	FMC Agricultural Products International AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
36.	Gibberelic acid	Dolping 40EC NanoGA3 50TB, 100WP	Công ty TNHH BMC Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc Công ty TNHH UPL Việt Nam
37.	Glyphosate	Gly-zet 480 SL	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba	Công ty TNHH Nam Bắc
38.	Hexaconazole	Hexavil 5SC, 6SC, 8SC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
39.	Hexaconazole 30g/l (40g/l), (35g/kg) + Tricyclazole 220g/l (239g/l), (770g/kg)	King-cide 250SC, 279SC, 805WP	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
40.	Hexythiazox	Lama 50EC	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
41.	Indoxacarb	DuPont TM Annimate [®] 30WG, 150EC	DuPont Vietnam Ltd	Công ty TNHH FMC Việt Nam
42.	Iprodione	Rovral 50 WP	FMC Agricultural Products International AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
43.	Isoprothiolane	Fujy New 40 EC, 400 WP, 450EC, 470EC, 500EC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
44.	Isoprothiolane 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tricyclazole 350g/l	Tinanosuper 600SE	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông	Công ty TNHH UPL Việt Nam